

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 63/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TÁM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội Khóa XV về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch năm 2022 và dự kiến kế hoạch năm 2023 tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2022

1. Nguyên tắc điều chỉnh

- Điều chỉnh vốn từ các dự án đã được bố trí kế hoạch vốn năm 2022 nhưng không sử dụng hoặc không sử dụng hết số vốn được giao kế hoạch năm 2022 sang các dự án khác có tỷ lệ giải ngân tốt, có khả năng thực hiện và giải ngân hết số vốn được giao bổ sung trong năm 2022.

- Số vốn điều chỉnh để bổ sung vốn cho các dự án theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Bố trí vốn đối ứng của ngân sách tỉnh năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định.

+ Bố trí bổ sung vốn đối ứng cho dự án ODA đóng Hiệp định trong năm 2022, để hoàn thành giải ngân kết thúc dự án. Bố trí bổ sung vốn cho dự án ODA thực hiện chuẩn bị đầu tư dự án để đủ điều kiện được phê duyệt và ký kết Hiệp định tín dụng với nhà tài trợ theo quy định.

+ Bố trí vốn cho các dự án phê duyệt quyết toán năm 2022 và dự án dự kiến hoàn thành năm 2022.

+ Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh để hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

2. Nội dung điều chỉnh

a) Nguồn ngân sách địa phương cân đối:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của các chương trình, dự án với tổng số vốn: 23.974,914 triệu đồng, cụ thể như sau:

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 05 dự án không có khả năng giải ngân kế hoạch vốn được giao trong năm 2022 (*trong đó: 01 dự án thuộc lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 02 dự án thuộc lĩnh vực Phát triển hạ tầng nông nghiệp; 01 dự án thuộc lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; 01 dự án sử dụng vốn đối ứng ODA*): 12.842 triệu đồng;

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ; Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên do trong năm chưa có dự án đáp ứng đủ điều kiện theo quy định: 10.000 triệu đồng;

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn còn lại trong nhiệm vụ chi chuẩn bị đầu tư đối với các dự án khởi công mới: 206,33 triệu đồng;

+ Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 03 dự án đã hoàn thành phê duyệt quyết toán năm 2022, không còn nhu cầu sử dụng vốn: 926,584 triệu đồng.

- Bố trí bổ sung cho các chương trình, dự án với tổng số vốn: 23.974,914 triệu đồng, cụ thể như sau:

+ Bố trí vốn đối ứng của ngân sách tỉnh năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025: 14.642 triệu đồng;

+ Bố trí vốn đối ứng cho 02 dự án ODA hoàn thành: 1.493 triệu đồng;

+ Bố trí vốn cho dự án ODA chuẩn bị đầu tư: 2.422 triệu đồng;

+ Bố trí vốn cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2022: 5.417,914 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

b) Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất (cấp tỉnh quản lý):

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn: 5.000 triệu đồng từ dự án chuẩn bị đầu tư nhưng chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư.

- Bố trí bổ sung cho các dự án với tổng số vốn: 5.000 triệu đồng, cụ thể như sau:

+ Bố trí vốn cho 01 dự án dự kiến hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2022: 2.000 triệu đồng;

+ Bố trí vốn cho 01 dự án chuẩn bị đầu tư và triển khai thực hiện: 3.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ tám (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 8 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
NGUỒN VỐN: VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI

(Kèm theo Nghị quyết số: 63/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2022 đã giao tại Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch sau điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Ngân sách địa phương		Tăng	Giảm			
	TỔNG SỐ		2.445.080	789.251	46.518,33	23.974,914	23.974,914	46.518,330		
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		1.113.587	582.038	38.658,33	-	23.974,914	14.683,416		
I	Đối ứng ODA		717.639	328.204	12.950	-	9.211	3.739		
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		438.543	93.027	11.179	-	8.319	2.860		

1	Thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam Thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	438.543	93.027	11.179		8.319	2.860	Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước và Phát triển hạ tầng đô thị Thái Nguyên	Mục VIII, phần A, Phụ lục IV Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
*	Dự án hoàn thành		279.096	235.177	1.771	-	892	879		
1	Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2	Quyết định số 3864/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 ; Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 17/12/2018	253.626	228.877	763		139	624	Sở Giáo dục và Đào tạo	Mục VIII, phần A, Phụ lục IV Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

2	Giáo dục Trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn II	Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 ; Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 ; Quyết định số 3395/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	25.470	6.300	1.008		753	255	Sở Giáo dục và Đào tạo	Mục VIII, phần A, Phụ lục IV Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
II	Ngân sách tỉnh hỗ trợ		50.000	50.000	10.000	-	10.000	0		
1	Hỗ trợ đầu tư vào Nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ;		50.000	50.000	10.000		10.000	0		Mục III, phần A, Phụ lục IV Nghị quyết số 200/NQ-

	Nghị quyết 05/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên									HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
III	Chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới				2.612,33		206,33	2.406		Mục XIV, phần A, Phụ lục IV Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
IV	Văn hóa, thể thao và Du lịch		161.535	161.535	5.000	-	1.500	3.500		
*	Dự án chuyển tiếp		161.535	161.535	5.000	-	1.500	3.500		
1	Quảng trường Võ Nguyên Giáp thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 2386/QĐ-UBND	161.535	161.535	5.000		1.500	3.500	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành	Mục VII, phần A, Phụ lục IV Nghị quyết số

		ngày 24/10/2014							phó Thái Nguyễn	200/NQ- HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
V	Phát triển hạ tầng nông nghiệp		164.26 6	22.152	3.449	-	1.740,58 4	1.708,41 6		
*	<i>Các dự án hoàn thành</i>		164.26 6	22.152	3.449	-	1.741	1.708,41 6		
1	Công trình thủy lợi hồ Nước Hai huyện Phổ Yên	Quyết định số 1203/QĐ- UBND ngày 13/6/2012	143.75 0	1.636	866		806	60	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi	Mục IV, phần A, Phụ lục IV Nghị quyết số 200/NQ- HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

2	Cải tạo, kiên cố hóa hệ thống kênh sau hồ Trại Gạo	Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 14/6/2012	5.284	5.284	900		900	0	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi	Mục IV, phần A, Phụ lục IV Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Xây dựng công lấy nước cung cấp nước thô cho Nhà máy nước sạch Yên Bình	Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 12/6/2014	15.232	15.232	1.683		34,584	1.648,416	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi	Mục IV, phần A, Phụ lục IV Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
VI	Giáo dục và Đào tạo		20.147	20.147	4.647	-	1.317	3.330		
*	<i>Các dự án hoàn thành</i>			20.147	4.647					

			20.147			-	1.317	3.330		
1	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Đại Từ	Quyết định số 3022/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	20.147	20.147	4.647		1.317	3.330	Sở Giáo dục và Đào tạo	Mục VI, phần A, Phụ lục IV Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
B	BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN		1.331.493	207.213	7.860	23.974,914	-	31.835		
I	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh hỗ trợ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					14.642		14.642		Theo Phụ lục IX, Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
1	Dự án, tiểu dự án					11.017		11.017		phân bổ chi tiết theo quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP
a	Dự án 1					1.662		1.662		
b	Dự án 4					6.337		6.337		

	Tiểu dự án 1					6.337		6.337	ngày 19/4/2022 của Chính phủ
c	Dự án 5					1.333		1.333	
	Tiểu dự án 1					1.333		1.333	
d	Dự án 6					1.487		1.487	
e	Dự án 10					198		198	
	Tiểu dự án 2					198		198	
2	Phân bổ cho các dự án còn lại					3.625		3.625	
a	Dự án 1					1.130		1.130	
b	Dự án 2					1.415		1.415	
c	Dự án 4					1.080		1.080	
	Tiểu dự án 1					1.080		1.080	
II	Đối ứng ODA		1.281.957	157.677	3.790	3.915	-	7.705	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>360.779</i>	<i>31.402</i>	<i>3.790</i>	<i>1.493</i>	<i>-</i>	<i>5.283</i>	

1	Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3074/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 ; số 1322/QĐ-UBND ngày 29/4/2021	233.204	24.879	3.600	815	4.415	Sở Giáo dục và Đào tạo; Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn Thái Nguyên	Mục VIII, phần A, Phụ lục IV Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
-	<i>Tiểu hợp phần 2: Cấp nước vệ sinh trường học</i>				1.200	815	2.015	<i>Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3250/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 ; Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày	127.575	6.523	190	678	868	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Mục VIII, phần A, Phụ lục IV Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

		4/3/2021								
*	Dự án chuẩn bị đầu tư		921.178	126.275	-	2.422	-	2.422		
1	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc - Tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 580/QĐ-TTg ngày 12/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ	921.178	126.275	-	2.422	-	2.422		Bổ sung dự án khởi công mới đã được Thủ tướng phê duyệt Chủ trương đầu tư
-	<i>Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án</i>		922	922	-	422		422	<i>Sở Kế hoạch và Đầu tư</i>	
-	<i>Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án</i>		10.480	10.480	-	2.000		2.000	<i>Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT</i>	
III	Giáo dục và Đào tạo		49.536	49.536	4.070	5.417,91	-	9.487,91		

						4		4		
*	Dự án chuyển tiếp		49.536	49.536	4.070	5.417,91		9.487,91		
						4		-		4
1	Xây dựng Trường THPT Lý Nam Đế, thị xã Phở Yên	Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 ; Quyết định số 3357/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	49.536	49.536	4.070	5.417,91 4		9.487,91 4	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Phở Yên	Mục VI, phần A, Phụ lục IV Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
NGUỒN VỐN: VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)
(Kèm theo Nghị quyết số: 63/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/chương trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán			Kế hoạch năm 2022 đã giao tại Nghị quyết 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch sau điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó: Ngân sách địa phương		Tăng	Giảm			
	TỔNG SỐ		851.438	228.438	9.354	5.000	5.000	9.354		
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		723.000	100.000	5.000	-	5.000	-		
*	<i>Dự án chuẩn bị đầu tư</i>		723.000	100.000	5.000	-	5.000	-		
1	Khu nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 21/6/2021	723.000	100.000	5.000		5.000	-		Mục III, Phụ lục V Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh
B	BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN		128.438	128.438	4.354	5.000	-	9.354		

I	Chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án		108.438	108.438	-	3.000	-	3.000		
1	Dự án cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 16/6/2022	108.438	108.438		3.000		3.000	Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn	Giao kế hoạch trung hạn tại mục II, Phụ lục II Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
II	Dự án khởi công mới		20.000	20.000	4.354	2.000	-	6.354		
1	Trụ sở tiếp công dân tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 23/9/2021	20.000	20.000	4.354	2.000		6.354	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Mục II, Phụ lục V Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh